TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **85/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 105/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quốc Tn, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 (vắng mặt);

2. Bị đơn: Chị Thị Cẩm T, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp RC, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2022, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31/7/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Quốc Tn trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh và chị Thị Cẩm T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2015. Anh và chị Thị Cẩm T có 02 người con chung tên: Trần Thị CT,

sinh ngày 06/02/2012 và, sinh ngày 18/10/2013 hiện đang chung sống với anh; về tài sản chung và nợ, anh và chị Thị Cẩm T không có tài sản chung không tranh chấp, anh và chị Thị Cẩm T không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Thị Cẩm T sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, đến tháng 8/2020 anh và chị Thị Cẩm T sống ly thân với anh cho đến nay. Anh thấy, anh và chị Thị Cẩm T không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu được ly hôn với chị Thị Cẩm T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần Thị CT, sinh ngày 06/02/2012 và Trần Quốc Ch, sinh ngày 18/10/2013 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, anh không yêu cầu chị Thị Cẩm T cấp dưỡng con. Về tài sản chung và nợ, anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Trần Thị CT như sau*:

Trần Thị CT là con của anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T, từ khi cha và mẹ của Trần Thị CT không còn chung sống với nhau thì Trần Thị CT sống chung với cha là anh Trần Quốc Tn. Nếu mẹ cha của Trần Thị CT ly hôn thì Trần Thị CT có nguyện vọng chung sống với cha là anh Trần Quốc Tn. Trần Thị CT cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Trần Quốc Ch như sau*:

Trần Quốc Ch là con của anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T, từ khi cha và mẹ của Trần Quốc Ch không còn chung sống với nhau thì Trần Quốc Ch sống chung với cha là anh Trần Quốc Tn. Nếu mẹ cha của Trần Quốc Ch ly hôn thì Trần Quốc Ch có nguyện vọng chung sống với cha là anh Trần Quốc Tn. Trần Quốc Ch cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang như sau*:

Anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T, cư trú tại ấp RC, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì không rõ. Trong thời gian anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T chung sống có 02 người con chung tên Trần Thị CT và Trần Quốc Ch, hiện nay anh Trần Quốc Tn chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Bị đơn chị Thị Cẩm T*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Thị Cẩm T để cho chị có ý kiến về việc anh Trần Quốc Tn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị, nhưng chị không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và yêu cầu được

nuôi con của anh Trần Quốc Tn nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Quốc Tn, sinh năm 1985 và sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy chứng kết hôn Trần Quốc Tn và Thị Cẩm T (Bản chính); 02 Giấy khai sinh Trần Thị CT, sinh ngày 06/02/2012 và Trần Quốc Ch, sinh ngày 18/10/2013 (Bản sao); 02 Bản trình bày nguyện vọng ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Trần Thị CT và Trần Quốc Ch (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn anh Trần Quốc Tn gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Thị Cẩm T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Trần Quốc Tn yêu cầu được ly hôn với chị Thị Cẩm T và nuôi con là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xử xử cho anh Trần Quốc Tn được ly hôn với chị Thị Cẩm T. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao 02 người con chung của anh chị cho anh Trần Quốc Tn được tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ anh chị không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Quốc Tn yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Thị Cẩm T, tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại ấp RC, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Thị Cẩm T biết và ấn định thời gian để cho chị có ý kiến

về việc anh Trần Quốc Tn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị, nhưng chị Thị Cẩm T không có ý kiến và yêu cầu gì, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Thị Cẩm T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T thì anh Trần Quốc Tn gửi đơn xin xét xử vắng mặt, chị Thị Cẩm T vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 154, quyển số 01/2015 ngày 26/10/2015, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Trần Quốc Tn được ly hôn với chị Thị Cẩm T, thời gian anh và chị Thị Cẩm T không hòa hợp, thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2020 anh chị sống ly thân với nhau đến nay. Anh thấy, anh và chị Thị Cẩm T không còn tình cảm vợ chồng nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Thị Cẩm T, nhưng chị Thị Cẩm T không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc anh Trần Quốc Tn yêu cầu ly hôn với chị là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Quốc Tn cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Thị Cẩm T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc Tn, cho anh Trần Quốc Tn được ly hôn với chị Thị Cẩm T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Trần Quốc Tn và chị Thị Cẩm T có 02 người con chung tên: Trần Thị CT, sinh ngày 06/02/2012 và Trần Quốc Ch, sinh ngày 18/10/2013. Khi ly hôn anh Trần Quốc Tn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, nhưng chị Thị

Cẩm T không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với anh Trần Quốc Tn, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, nay có nguyện vọng chung sống với anh Trần Quốc Tn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Trần Quốc Tn và ý kiến nguyện vọng của các con anh chị, giao 02 người con chung của anh chị tên: Trần Thị CT, sinh ngày 06/02/2012 và Trần Quốc Ch, sinh ngày 18/10/2013 cho anh Trần Quốc Tn được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Quốc Tn không yêu cầu chị Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Trần Quốc Tn tự xác định, anh và chị Thị Cẩm T không có tài sản chung, không tranh chấp, anh và chị Thị Cẩm T không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Quốc Tn được ly hôn với chị Thị Cẩm T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung của anh chị tên: Trần Thị CT, sinh ngày 06/02/2012 và Trần Quốc Ch, sinh ngày 18/10/2013 cho anh Trần Quốc Tn được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị và hiện nay đang chung sống với anh Trần Quốc Tn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Quốc Tn không yêu cầu chị Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Quốc Tn tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không tranh chấp, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Trần Quốc Tn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003810 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Trần Quốc Tn đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã T, AB;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo